



chén shì

尘世

noun · mortal world; earthly life

Example Sentences

Tā yàn juàn le chén shì de shēng huó

他厌倦了尘世的生活。

He is tired of worldly life.

Xiū xíng zhī rén cháng xiǎng tuō lí chén shì de fán nǎo

修行之人常想脱离尘世的烦恼。

Cultivators often wish to escape the troubles of the mortal world.

Trace each character, then write the word on your own.

尘	尘	尘	尘	尘	尘	尘	尘	尘		
世	世	世	世	世	世	世	世	世		